

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

HÀ NỘI, THÁNG 09 NĂM 2011

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BCTC HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

Tel: (04) 26891 888 Fax: (04) 26861 616

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

đính kèm BCTC hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV -ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV -ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đã có 03 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 04 năm 2011 thì vốn điều lệ của Công ty là: **125.000.0000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng).

Tên giao dịch quốc tế của Công ty: DONG A PLASTIC GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: Tập đoàn Đông Á

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm Kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường).
- Đầu tư, xây dựng nhà ở;
- Gia công cơ khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

Tel: (04) 26891 888 Fax: (04) 26861 616

Văn phòng giao dịch: Tầng 6 toà nhà DMC Tower số 535 Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: (04) 7342 888 Fax: (04) 7710 789

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội
Tel: (04) 26891 888 Fax: (04) 26861 616

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
đính kèm BCTC hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch
Bà Trần Thị Lê Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tính	Thành viên
Ông Marume Mitsuo	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Trần Thị Lê Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Cao Long	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Phú Thắng	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Tổng giám đốc
Bà Đinh Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 01/01/2011 đến 30/06/2011.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý

Tel: (04) 26891 888 Fax: (04) 26861 616

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

đính kèm BCTC hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á



Trần Thị Lê Hải

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 09 năm 2011

520
CÔN
H NH
TOÁN
ỆT
GIẤ



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số : 740.-11/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 27 tháng 09 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011 được lập ngày 15 tháng 09 năm 2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo soát về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc phỏng vấn các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề như đã mô tả ở đoạn trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chế độ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV

03/09/2011
TRÍ
26184
GTY
EM HUU
VA DINH
NAM
Y-TP.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		287.369.666.668	237.766.882.485
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.748.781.535	1.634.003.656
1 Tiền	111	V.1.	2.748.781.535	1.634.003.656
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		145.076.823.780	110.305.895.343
1 Phải thu của khách hàng	131		133.120.428.207	102.275.684.697
2 Trả trước cho người bán	132		10.459.490.052	7.949.345.915
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	2.529.107.079	1.113.066.289
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.032.201.558)	(1.032.201.558)
IV Hàng tồn kho	140		135.155.131.668	122.262.252.952
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	135.155.131.668	122.262.252.952
V Tài sản ngắn hạn khác	150		4.388.929.685	3.564.730.534
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		349.125.079	53.724.898
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		478.746.556	39.836.200
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	560.105.900	459.276.582
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		3.000.952.150	3.011.892.854
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		165.270.144.554	155.417.355.069
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		157.818.893.367	147.998.125.110
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	101.384.936.346	80.718.930.920
- Nguyên giá	222		140.803.582.684	115.264.267.745
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.418.646.338)	(34.545.336.825)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.6.	3.119.568.602	3.639.699.149
- Nguyên giá	225		3.728.518.728	3.728.518.728
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(608.950.126)	(88.819.579)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	80.278.660	119.397.691
- Nguyên giá	228		407.819.466	407.819.466
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(327.540.806)	(288.421.775)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	53.234.109.759	63.520.097.350
III Bất động sản đầu tư	240	V.9.	3.421.783.900	3.421.783.900
- Nguyên giá	241		3.421.783.900	3.421.783.900
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		4.029.467.287	3.997.446.059
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	3.653.106.562	3.621.085.334
3. Tài sản dài hạn khác	268		376.360.725	376.360.725
VI Lợi thế thương mại	269		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		311.952.809.326	268.172.608.385
I Nợ ngắn hạn	310		277.600.683.035	226.165.576.863
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.	182.234.671.507	122.439.506.474
2 Phải trả người bán	312		46.436.608.730	58.425.257.294
3 Người mua trả tiền trước	313		25.483.449.609	31.382.427.377
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12.	4.719.814.476	2.935.356.290
5 Phải trả người lao động	315		2.437.329.111	2.271.545.028
6 Chi phí phải trả	316	V.13.	384.548.695	345.163.733
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14.	16.963.832.237	8.366.320.667
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(1.059.571.330)	-
II Nợ dài hạn	330		34.352.126.291	42.007.031.522
3 Phải trả dài hạn khác	333		105.000.000	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.15.	21.923.173.899	15.355.591.218
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		20.362.015	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338	V.16.	12.303.590.377	26.651.440.304
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		140.687.001.896	125.011.629.169
I Vốn chủ sở hữu	410	V.17.	140.687.001.896	125.011.629.169
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	100.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		4.050.000.000	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	780.629.594
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(902.344.457)	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		3.239.682.853	2.441.189.359
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		2.776.281.011	1.983.695.358
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.760.063.750	961.570.256
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.763.318.739	18.844.544.602
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		452.639.811.222	393.184.237.554

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Mẫu số B02a - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18.	225.029.802.468	141.202.858.832
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.19.	770.105.182	2.007.599.832
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.20.	224.259.697.286	139.195.259.000
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.21.	185.816.516.694	106.861.480.400
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		38.443.180.592	32.333.778.600
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22.	86.755.935	31.264.314
7 Chi phí tài chính	22	VI.23.	15.600.636.916	6.706.380.298
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.372.926.640	5.553.399.883
8 Chi phí bán hàng	24		9.323.210.878	6.796.892.331
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.106.238.147	5.805.153.312
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		5.499.850.586	13.056.616.973
11 Thu nhập khác	31		11.827.100.327	209.625.508
12 Chi phí khác	32		11.767.146.399	72.352.613
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		59.953.928	137.272.895
14 Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		5.559.804.514	13.193.889.868
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.260.364.524	1.018.668.422
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		20.362.015	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.279.077.975	12.175.221.446
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		3.279.077.975	-
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21.	285	1.218

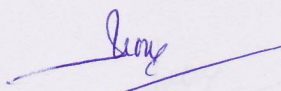
Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2011

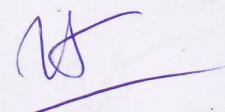
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc









BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		194.688.270.916	173.818.112.871
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(200.082.878.670)	(149.452.826.790)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.515.240.723)	(7.412.055.495)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(27.706.051.742)	(5.177.363.839)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(225.426.913)	(394.374.067)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.019.018.144	26.162.944.676
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(13.080.690.731)	(36.339.964.072)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(47.902.999.719)	1.204.473.284
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.062.436.432)	(4.421.423.158)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	28.611.677
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.014.307	13.329.475
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.036.422.125)	(4.379.482.006)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		29.050.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		240.697.913.418	101.550.622.202
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(210.860.133.695)	(86.212.020.713)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.833.580.000)	(9.648.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		54.054.199.723	5.689.701.489
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		1.114.777.879	2.514.692.767
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1.	1.634.003.656	1.042.934.381
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1.	2.748.781.535	3.557.627.148

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Luay

W

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Paul

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV -ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV -ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đã có 03 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 04 năm 2011 thì vốn điều lệ của Công ty là: **125.000.0000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại các mặt hàng sắt thép, kim khí xây dựng cơ bản và gia công sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép, kết cấu thép.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường).
- Đầu tư, xây dựng nhà ở;
- Gia công cơ khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội
Tel: (04) 26891 888 Fax: (04) 26861 616

4. Danh sách các công ty con được hợp nhất của Công ty

- Số lượng công ty con: 3 công ty
- Số lượng công ty con được hợp nhất: 3 công ty

1.	Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn - Phú Lý - Hà Nam Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
----	--------------------------	--

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

2.	Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Xã Ngọc Hồi - Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
3.	Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	Địa chỉ: Lô số 36 - Đường Tân Tạo - Khu Công nghiệp Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP Hồ Chí Minh Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty nắm giữ trực tiếp trên 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 30/06/2011. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Công ty con và giữa các Công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo hợp nhất, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập xuất.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

4.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Ghi nhận khấu hao tài sản cố định hữu hình bằng phương pháp đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty nắm giữ trực tiếp trên 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 30/06/2011. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Công ty con và giữa các Công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo hợp nhất, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập xuất.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

4.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Ghi nhận khấu hao tài sản cố định hữu hình bằng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

Nhà cửa vật kiến trúc

25

Máy móc, thiết bị

3-7,5

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

7

Thiết bị, dụng cụ quản lý

4-5

Riêng Dự án Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á với giá trị là 39.483.786.197 đồng đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, tuy nhiên đơn vị chưa tiến hành quyết toán và thực hiện tính khấu hao vào chi phí sản xuất.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán Effect và phần mềm quản lý

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình.

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

Phần mềm kế toán Effect

4

Hệ thống quản lý ISO 9001

4

4. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là xe ô tô và máy móc thiết bị, được ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính theo hợp đồng thuê mua với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease và Công ty CP Cho thuê tài chính NH Ngoại Thương, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 06 - Thuê tài sản. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với các tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, cụ thể số năm trích khấu hao đối với từng nhóm tài sản như sau:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao

Máy móc thiết bị

6

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

6

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

- Doanh thu bán vật tư, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

- Doanh thu cung cấp dịch vụ thi công lắp đặt được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

- Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

12.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp. Riêng Dự án Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á với giá trị là 39.483.786.197 đồng đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, tuy nhiên đơn vị chưa tiến hành quyết toán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

12.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

12.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất là 10% đối với các vật tư, sản phẩm, hàng hóa từ nhựa và 0% đối với các mặt hàng xuất khẩu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi số 39/GCNUĐT ngày 30 tháng 03 năm 2006 và giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 06221000006 ngày 12 tháng 10 năm 2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp thì Công ty TNHH Nhựa Đông Á được hưởng thuế suất 15% trong thời hạn 12 năm kể từ khi Dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời hạn trên thuế suất 25%; miễn 3 năm và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2011 là năm thứ 5 Công ty TNHH Nhựa Đông Á hoạt động kinh doanh có lãi và giảm 50% trên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15%. Riêng đối với doanh thu từ hoạt động thương mại, Công ty TNHH Nhựa Đông Á áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế theo quy định hiện hành

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 25% trên lợi nhuận chịu thuế đối với phần thu nhập của hoạt động chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	100.327.792	59.915.594
Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á	9.578.958	851.765
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	20.287.320	2.743.430

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng	2.648.453.743	1.574.088.062
Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á	2.345.345.951	1.160.768.418
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	196.777.200	364.929.595
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	53.363.531	45.966.006
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	52.967.061	2.424.043
Cộng	2.748.781.535	1.998.933.251
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Anh Khấn	40.475.373	-
Ông Nguyễn Đức Dũng	11.473.751	11.473.751
FOSHAN GAOMING HENGRUI E & I CO, LTD	21.357.145	-
Trịnh Trung B001DN hàng ký gửi	38.219.904	38.219.904
CT cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại thương VN	491.029.044	334.673.554
KAE CHEANG INDUSTRIAL CO.,LTD	35.302.756	-
Hoàng Văn Võ	7.650.000	13.650.000
Các đối tượng khác	1.883.599.106	715.049.080
Cộng	2.529.107.079	1.113.066.289
3. Hàng tồn kho	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	7.286.506.479
Nguyên liệu, vật liệu	77.274.476.265	39.217.120.740
Công cụ, dụng cụ	1.337.440.437	1.410.275.134
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.525.013.924	15.124.726.977
Thành phẩm	15.434.514.108	20.848.115.376
Hàng hoá	38.582.827.359	38.374.648.671
Hàng gửi đi bán	859.575	859.575
Cộng giá gốc hàng tồn kho	135.155.131.668	122.262.252.952
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT	7.970.417	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	550.591.250	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	459.276.582
Thuế xuất nhập khẩu	1.536.114	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.119	-
Cộng	560.105.900	459.276.582

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á.

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

Tel: (04) 26891 888 Fax: (04) 26861 616

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mẫu số B09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá	Số dư ngày 01/01/2011	44.421.117.189	60.630.174.643	9.395.599.400	817.376.513	115.264.267.745
	Mua trong kỳ	-	11.909.361.845	-	91.750.909	12.001.112.754
	Đầu tư XD CB hoàn thành	-	14.319.842.185	-	-	14.319.842.185
	Tặng khác	-	-	-	-	-
	Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
	Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
	Giảm khác	-	(781.640.000)	-	-	(781.640.000)
	Số dư ngày 30/06/2011	44.421.117.189	86.077.738.673	9.395.599.400	909.127.422	140.803.582.684
Giá trị hao mòn lũy kế	Số dư ngày 01/01/2011	6.519.068.066	19.430.783.155	8.001.536.007	593.949.597	34.545.336.825
	Khấu hao trong kỳ	1.076.813.169	3.779.192.899	471.489.068	46.890.185	5.374.385.320
	Tặng khác	-	-	-	-	-
	Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
	Giảm do phân loại	-	-	-	-	-
	Giảm khác	-	(501.075.807)	-	-	(501.075.807)
	Số dư ngày 30/06/2011	7.595.881.235	22.708.900.247	8.473.025.075	640.839.782	39.418.646.338
Giá trị còn lại	Số dư ngày 01/01/2011	37.902.049.123	41.199.391.488	1.394.063.393	223.426.916	80.718.930.920
	Tại ngày 30/06/2011	36.825.235.954	63.368.838.427	922.574.325	268.287.641	101.384.936.346

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2011	3.499.861.859	228.656.869	3.728.518.728
Mua trong kỳ	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2011	3.499.861.859	228.656.869	3.728.518.728
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2011	-	88.819.579	88.819.579
Khấu hao trong kỳ	-	19.054.740	19.054.740
Tăng khác	501.075.807	-	501.075.807
Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2011	501.075.807	107.874.319	608.950.126
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2011	3.499.861.859	139.837.290	3.639.699.149
Tại ngày 30/06/2011	2.998.786.052	120.782.550	3.119.568.602

7. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Hệ thống quản lý ISO 9001	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2011	387.972.800	19.846.666	407.819.466
Mua trong kỳ	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2011	387.972.800	19.846.666	407.819.466
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2011	270.642.436	17.779.339	288.421.775
Khấu hao trong kỳ	39.119.031	-	39.119.031
Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2011	309.761.467	17.779.339	327.540.806
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2011	117.330.364	2.067.327	119.397.691
Tại ngày 30/06/2011	78.211.333	2.067.327	80.278.660

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

8.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND		
	Mua sắm TSCĐ	7.664.535.384	7.980.866.243		
	Xây dựng cơ bản dở dang	45.569.574.375	55.539.231.107		
	Khu công nghiệp Ngọc Hồi - Dự án Công ty TNHH MTV SMW	1.792.522.400	1.792.522.400		
	Khu công nghiệp Tân Tạo - Dự án Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	39.483.786.197	38.955.466.388		
	Nhà xưởng sản xuất nhôm Composite tại Hà Nam		8.084.822.940		
	Nâng cấp hệ thống nhà xưởng	4.293.265.778	6.706.419.379		
	Cộng	53.234.109.759	63.520.097.350		
9.	Tăng, giảm bất động sản đầu tư	Đơn vị tính: VND			
		01/01/2011	Tăng trong năm	Giảm trong năm	01/06/2011
	Nguyên giá	3.421.783.900	-	-	3.421.783.900
	Quyền sử dụng đất	3.421.783.900	-	-	3.421.783.900
	Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
	Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
	Giá trị còn lại	-	-	-	3.421.783.900
	Quyền sử dụng đất	3.421.783.900	-	-	3.421.783.900
10.	Chi phí trả trước dài hạn	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND		
	Chi phí chung của Văn phòng	716.504.685	973.956.408		
	Công cụ dụng cụ	1.629.401.890	1.342.599.311		
	Các khoản chi phí khác	1.307.199.987	1.304.529.615		
	Cộng	3.653.106.562	3.621.085.334		
11.	Vay và nợ ngắn hạn	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND		
	Vay ngắn hạn	178.221.738.070	114.835.757.441		
	Vay ngân hàng				
	Ngân hàng TMCP Quân đội	163.721.295.610	89.986.632.125		
	VND	148.643.908.484	66.937.226.930		
	USD	15.077.387.126	23.049.405.195		
	Ngân hàng Tiên phong	-	13.322.005.786		
	VND	-	5.428.552.230		
	USD	-	7.893.453.556		
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	14.500.442.460	11.527.119.530		
	VND	11.107.822.517	8.048.553.850		
	USD	3.392.619.943	3.478.565.680		
	Vay và Nợ dài hạn đến hạn trả	4.012.933.437	7.603.749.033		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
 (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	871.417.306	941.608.541
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	480.272.545	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	223.176.682	361.393.333
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.723.724.816	1.243.844.413
Thuế Thu nhập cá nhân	421.223.127	388.510.003
Cộng	4.719.814.476	2.935.356.290
13. Chi phí phải trả	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng	384.498.695	345.163.733
Các khoản khác	50.000	-
Cộng	384.548.695	345.163.733
14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	934.565.032	427.157.072
Kinh phí công đoàn	9.620.000	-
Bảo hiểm xã hội, y tế	404.078.957	428.238.739
Phải trả, phải nộp khác	7.285.595.685	3.245.628.640
Phải trả tiền cổ tức	8.282.540.000	4.245.220.000
Bảo hiểm thất nghiệp	38.570.735	20.076.216
Dư có tài khoản 141	8.861.828	-
Cộng	16.963.832.237	8.366.320.667
15. Vay và nợ dài hạn	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	17.179.184.035	13.403.873.592
Vay ngân hàng	17.179.184.035	13.403.873.592
Ngân hàng Á Châu (1)	4.780.000.000	4.780.000.000
Ngân hàng Quân đội (2)	12.399.184.035	8.623.873.592
VND	12.399.184.035	-
USD(2)	-	8.623.873.592
Nợ dài hạn (3)	4.743.989.864	1.951.717.626
Công ty CP cho thuê tài chính NH Ngoại thương	4.743.989.864	1.951.717.626

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

(1) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số SHN.02141207/02TDDN giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở Giao dịch Hà Nội ngày 31/12/2007 với thời hạn vay 60 tháng (trong đó thời gian ân hạn là 12 tháng, thời gian trả nợ gốc là 48 tháng, thời gian trả lãi vay là 60 tháng) kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu, lãi suất vay 0,99%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng: Quyền sử dụng đất thuê (trả tiền một lần) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (hình thành trong tương lai) tại lô số 36, đường Tân Tạo, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Thành Phố Hồ Chí Minh với diện tích là 6.573,43 m² với thời hạn thuê là 43 năm (tính đến tháng 08/2050) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á trị giá 23.307.000.000 VND). Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai là hệ thống các máy cắt, máy hàn, máy cưa, dây chuyền sản xuất kính hộp và các máy móc khác thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á trị giá 2.000.000.000 VND.

(2) Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 113.09.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 24/11/2009. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 13/01/2013 với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng: Hợp đồng tín dụng số 203.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 20/08/2010. Số tiền vay theo hợp đồng là 169.330 USD, gốc thanh toán định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho chậm luân chuyển trị giá 70.000.000.000 VND và hai (02) dây chuyền máy đèn thanh Profile theo hợp đồng ngoại thương số DA-DONGXU 10.01 ngày 20 tháng 05 năm 2010. Theo Hợp đồng tín dụng số 284.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 22/10/2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên (ngày 28/10/2015) với lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân 6,8%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống xưởng, máy móc, hàng tồn kho luân chuyển và máy móc thiết bị với tổng trị giá là 132.375.000.000 VND

(3) Hợp đồng Thuê tài chính giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 28/05/2010, tổng giá trị 157.872 USD, thời hạn thuê là 50 tháng, lãi suất cho thuê bằng lãi suất cơ bản do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 0,25%/tháng. Tài sản thuê tài chính là Dây chuyền sản xuất cửa hợp kim nhôm vách dựng đã được Công ty chuyển giao cho Công ty con là Công ty TNHH Smartwidow Việt Nam.

16. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty CP Đầu tư PT nhà và đô thị VINACONEX	11.823.988.277	16.366.447.135
Công ty Cổ phần xây dựng số 11	107.345.268	-
Công ty TNHH SX-TM-XD Thiên Thanh	366.464.246	-
Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất Nam á	-	633.496.500
Công ty DIMENSION INTERNATIONAL CORP PAID	5.792.586	5.792.586
Công ty CP ĐT và XD Sông Đà	-	2.521.778.642
Công ty CP XD & KD Nhà Vĩnh Phúc	-	640.952.727
Công ty Công nghệ Mới và DL Newtatco	-	1.457.163.504
Công ty CPXDBT Hồ Chí Minh	-	1.931.818.182
Công ty CP Xây Dựng Số 3 Hà Nội	-	1.127.432.748
Công ty CP KD Nhà Thờ Thiên Huế	-	962.899.723
Công ty CPTĐ đầu tư Ba Đình	-	1.003.658.557

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
 (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2010	100.000.000.000	-	17.009.733.851	117.009.733.851
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	20.098.839.989	20.098.839.989
Chi trả cổ tức	-	-	(14.034.400.000)	(14.034.400.000)
Trích các quỹ	-	-	(2.884.710.768)	(2.884.710.768)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(1.344.918.470)	(1.344.918.470)
Số dư tại ngày 31/12/2010	100.000.000.000	-	18.844.544.602	118.844.544.602
Tăng vốn trong kỳ này	25.000.000.000	4.050.000.000	-	29.050.000.000
Lỗ trong kỳ này	-	-	3.279.077.975	3.279.077.975
Chia cổ tức	-	-	(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	(2.487.165.116)	(2.487.165.116)
Giảm khác	-	-	(873.138.722)	(873.138.722)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2011	125.000.000.000	4.050.000.000	4.763.318.739	133.813.318.739

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty TNHH Thương mại Hùng Phát	31.812.000.000	28.920.000.000
Nguyễn Bá Hùng	40.067.500.000	36.425.000.000
Nguyễn Thị Tính	165.000.000	150.000.000
Việt Nam Growth Capital L.L.C	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Tam Sơn	12.500.000.000	-
Các cổ đông khác	35.455.500.000	29.505.000.000
Cộng	125.000.000.000	100.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	125.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	25.000.000.000	-
Vốn góp cuối kỳ	125.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.000.000.000	14.034.400.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

d) Cổ phiếu

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.500.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.500.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	10.000.000

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

e) Các quỹ của công ty

	01/01/2011	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/06/2011
Quỹ đầu tư phát triển	2.441.189.359	798.493.494	-	3.239.682.853
Quỹ dự phòng tài chính	1.983.695.358	792.585.653	-	2.776.281.011
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	961.570.256	798.493.494	-	1.760.063.750

Mục đích trích lập các quỹ tại Công ty

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	115.013.424.977	90.090.789.805
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.345.677.637	-
Doanh thu bán hàng hóa	78.670.699.854	49.846.794.430
Doanh thu khác	-	1.265.274.597

Cộng

225.029.802.468 141.202.858.832

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND

Chiết khấu thương mại

419.925.767 1.597.464.430

Hình thức trả lại

250.170.415 410.125.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
(tiếp theo)

20. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm	114.243.319.795	88.083.189.973
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	31.345.677.637	-
Doanh thu thuần bán hàng hóa	78.670.699.854	49.846.794.430
Doanh thu thuần khác	-	1.265.274.597
Cộng	224.259.697.286	139.195.259.000
21. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Giá vốn bán thành phẩm	120.652.630.608	36.675.201.094
Giá vốn cung cấp dịch vụ	31.437.986.368	-
Giá vốn bán hàng hóa	33.725.899.718	70.186.279.306
Giá vốn khác	-	-
Cộng	185.816.516.694	106.861.480.400
22. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi	26.014.307	31.264.314
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	60.741.628	-
Cộng	86.755.935	31.264.314
23. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí lãi vay	13.372.926.640	5.553.399.883
Chi phí tài chính khác	2.227.710.276	1.152.980.415
Cộng	15.600.636.916	6.706.380.298
24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.279.077.975	12.175.221.446
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.496.312	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	285	1.218

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội
Tel: (04) 26891 888 Fax: (04) 26861 616

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mẫu số B09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

(tiếp theo)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1			Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Giao dịch với các bên liên quan		Quan hệ với Công ty	VND	VND
Bán hàng				
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đồng sáng lập	20.153.439.283	25.014.554.608	
Mua hàng				
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đồng sáng lập	4.158.456.580	6.919.581.715	
Công ty Tam Sơn	Cổ đồng chiến lược	79.830.367.187	-	
1.2	Số dư với các bên liên quan		30/06/2011	01/01/2011
		Quan hệ với Công ty	VND	VND
Các khoản phải thu				
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đồng sáng lập	16.967.551.484	8.004.326.347	
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đồng sáng lập	-	15.536.562.577	
Công ty Tam Sơn	Cổ đồng chiến lược	13.107.058.448	-	
Phải trả tiền vay				
Bà Trần Thị Lê Hải	Cổ đồng sáng lập	-	2.400.000.000	
Ông Nguyễn Bá Hùng	Cổ đồng sáng lập	5.099.500.000	-	

2. Những thông tin khác

2.1 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính quốc tế (IFC).

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trương Hồng Luân

Lưu Thúy Hiền

Trần Thị Lê Hải